TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày 28/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Linh và bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D, sinh năm 1967 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: Khu dân cư K, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Đức P và bà Hoàng Thị M (Đã chết); chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1961; có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/2/2024 đến ngày 05/2/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1970 và anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1970; Đều Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị D có mở quán bán nước ở KDC N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do biết chị Phạm Thị N, sinh năm 1970, trú tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương không có việc làm nên D có thoả thuận với N nếu có khách đến mua dâm thì D sẽ môi giới, dẫn dắt để N đi bán dâm với giá 350.000đ, còn quán nước của D sẽ bán được nhiều và thu lời hơn.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/02/2024, Nguyễn Văn N1, sinh năm 1970, trú tại: Thôn 2, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và Đồng Thế D, sinh năm 1981, trú tại: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương đến quán của D uống nước. Tại đây, N1 có hỏi D "quán có bán dâm không", D trả lời "Có", N1 nói "Chị gọi nhân viên đi", D trả lời "Có nhân viên đây rồi không phải gọi", N1 hỏi D "Đi bây giờ bao nhiêu tiền", D nói "350.000đ cả tiền phòng". N1 đưa cho D tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Gồm 350.000đ tiền mua bán dâm và 150.000đ tiền nước), D nhận tiền rồi chỉ tay ra hướng nhà nghỉ M của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1969, địa chỉ: KDC T, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau đó, D quay lại bảo N đang ngồi trong quán đi sang để bán dâm cho N1. Khi đến nơi N1 đi lên phòng 202, một lúc sau N mở cửa đi vào phòng, cả hai tự cởi quần áo rồi thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Đến khoảng 14h cùng ngày, khi N1 và N đang quan hệ tình dục với nhau thì lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện. Du tự nguyện giao nộp số tiền 500.000đ, Công an đã lập biên bản giao nhận số tiền này và hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Tại bản Cáo trạng số 45/CT-VKS-CL ngày 17/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội "*Môi giới mại dâm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự**.**

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội *"Môi giới mại dâm"*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 07 - 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 - 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* (gồm 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000đ có số seri LN 19986328) được niêm phong trong bì thư số 50/KLKTHS.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm như nội dung bản cáo trạng và đồng ý với lời luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản vụ việc và những

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có sự thống nhất từ trước giữa Nguyễn Thị D với gái bán dâm là Phạm Thị N nên khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/02/2024, Nguyễn Thị D đã nhận số tiền 350.000đ của người mua dâm là Nguyễn Văn N1 để dẫn dắt N bán dâm cho N1. Khi N1 và N đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 202 nhà nghỉ M, địa chỉ tại KDC T, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương thì bị lực lượng Công an thành phố Chí Linh phát hiện, bắt quả tang.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá, trật tự an toàn xác hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích tư lợi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Môi giới mại dâm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương, ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 500.000đ gồm tiền mua bán dâm là 350.000đ, tiền nước uống là 150.000đ, xét thấy bị cáo tự nguyện sung quỹ đối với số tiền nước uống là 150.000đ, số tiền 350.000đ là tiền do phạm tội mà có, nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước 500.000đ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Vấn đề khác:

[9.1] Đối với hành vi mua bán dâm của Nguyễn Văn N1 và Phạm Thị N đã bị Công an thành phố Chí Linh ban hành Quyết định xử phạt hành chính đối với N1, N là đúng quy định của pháp luật.

[9.2] Đối với Nguyễn Văn D là chủ nhà nghỉ M, không biết việc N1, N thuê phòng 202 để thực hiện hành vi mua bán dâm, nên không đặt ra xử lý. Đối với tiền thuê phòng 202, anh D chưa nhận được tiền, nhưng cũng không yêu cầu xem xét giải quyết, nên không đặt ra xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bị cáo Nguyễn Thị D đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án, bị cáo được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo nên cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội *"Môi giới mại dâm"*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 07 *(Bẩy)* tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 *(Mười bốn)* tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* (gồm 01 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000đ có số seri LN 19986328) được niêm phong trong bì thư số 50/KLKTHS.

(*Toàn bộ vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2024 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh).*

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh (01);
- VKSND tỉnh Hải Dương (01);
- Chi cục THADS TP. Chí Linh (01);
- Công an thành phố Chí Linh (01);
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ của Công an nhân dân (Công an thành phố Chí Linh) (01);
- CQCSĐT-Công an thành phố Chí Linh (01);
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương (01);
- Bị cáo (01);
- Lưu hồ sơ (01);
- Lưu Toà án (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Luyến